

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Điệp;

Ông Trần Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tô Yến L, sinh năm 1997 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Tô Yến L trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết tìm hiểu nhau nên chị L và anh T kết hôn với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào năm 2014. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, anh T không lo làm ăn, hay đi chơi đá gà,

không chăm lo cho vợ con, chị L khuyên thì anh T đánh đập nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn T.

- Về con chung: Có 02 người con tên Dương Gia L, sinh ngày 21/5/2015 (nam) và Dương Gia L1, sinh ngày 30/01/2018 (nam), khi vợ chồng sống ly thân thì có thỏa thuận giao con cho mỗi người nuôi 01 người con; Chị L nuôi dưỡng, chăm sóc Dương Gia L1 còn anh T thì nuôi dưỡng, chăm sóc Dương Gia L. Khi ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc Dương Gia L1, chị L đồng ý giao con chung là Dương Gia L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Dương Văn T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị L. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T không tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Tô Yến L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Tô Yến L và anh Dương Văn T có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên kết hôn với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ, huyện Phú

Tân, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70 ngày 24 tháng 7 năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị L và anh T được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, chị L xin ly hôn với anh T là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, anh T không lo làm ăn, hay đi chơi đá gà, không chăm lo cho vợ con, chị L khuyên thì anh T đánh đập nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Anh T đã được Tòa án thông báo hòa giải lần thứ hai để hòa giải động viên hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T, nhưng anh T vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy anh T không có thiện chí mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Chị L được ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Dương Gia L, sinh ngày 21/5/2015 (nam) và Dương Gia L1, sinh ngày 30/01/2018 (nam), khi chị L và anh T sống ly thân thì có thỏa thuận giao con cho mỗi người nuôi 01 người con; Chị L nuôi dưỡng, chăm sóc Dương Gia L1 còn anh T thì nuôi dưỡng, chăm sóc Dương Gia L, cho nên khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc Dương Gia L1, chị L đồng ý giao con chung là Dương Gia L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Xét thấy, chị L và anh T đã thỏa thuận được với nhau về con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên chị L phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tô Yến L. Chị Tô Yến L được ly hôn với anh Dương Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Tô Yến L nuôi dưỡng và chăm sóc 01 người con tên Dương Gia L1, sinh ngày 30/01/2018 (nam). Giao cho anh Dương Văn T nuôi dưỡng và chăm sóc 01 người con tên Dương Gia L, sinh ngày 21/5/2015 (nam).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, chị L phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, chị L có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004041 ngày 21

tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Phú Mỹ, H. Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo